

Số: *56* /2016/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *20* tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tổ chức thực hiện mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý,
sử dụng phí đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 ban hành Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4500/STC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2016; Báo cáo số 332/BC-STP ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu, đối tượng thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Mức thu:

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này)

2. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm; đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký; đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm; xóa đăng ký giao dịch bảo đảm; cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển), quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm.

3. Miễn thu phí đối với các đối tượng sau:

a) Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

b) Đề nghị sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo do lỗi của cán bộ đăng ký.

c) Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên của chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.

d) Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

đ) Điều tra viên, kiểm sát viên và thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

4. Cơ quan thu phí:

Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đối với giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Cơ quan thu phí có trách nhiệm niêm yết công khai mức thu phí tại các điểm thu phí.

5. Tổ chức kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

a) Quản lý phí: Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí có trách nhiệm:

Khi thu tiền phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.

Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán tiền phí thu được theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Sử dụng phí:

Đơn vị thu phí được trích để lại 80% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc phục vụ thu phí, phần còn lại 20% nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền phí được để lại, đơn vị thu phí sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp; mức chi cụ thể được thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành và thực hiện quyết toán hằng năm.

Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 của tháng sau, đơn vị thu phí có trách nhiệm nộp số tiền phí thu được (sau khi trừ đi số phí được trích để lại theo quy định) vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

Các nội dung khác liên quan đến quản lý và sử dụng phí không được đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 250/2016/TT-BTC, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc quản lý và sử dụng phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 60/2011/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2011 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *M. Ph. Lạc*

Nơi nhận:

- Chính phủ;
 - Bộ Tài chính;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
 - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 4;
 - Sở Tư pháp;
 - Trung tâm Thông tin tỉnh;
 - Lưu: VT, KT, TH, CNN.
- Trìnhhq, QĐ/T12, 35b *[Signature]*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Signature]
Vũ Hồng Bắc

**MỨC THU PHÍ ĐĂNG KÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH
BẢO ĐẢM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số: 56/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung	Mức thu (đồng/hồ sơ)
I	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển); quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm lần đầu	80.000
2	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	60.000
3	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	70.000
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000
II	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay, tàu biển); quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000